

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-34

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội theo Quyết định số 535/TCĐL ngày 30/06/2006 của Tổng Cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100107187 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/10/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Bá Tiến	Chủ tịch	
Bà Đặng Thị Minh Chi	Ủy viên	
Ông Nguyễn Huy Anh	Ủy viên	
Ông Khuất Minh Hà	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hồng Tiến	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2022
Bà Nguyễn Thy Phương	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 28/06/2022

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Khuất Minh Hà	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2022
Ông Đào Trọng Tùng	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/06/2022
Ông Nguyễn Minh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 20/07/2022
Bà Lương Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đào Hồng Vân	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Tất Hiếu	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 28/06/2022
Ông Trần Thanh Tùng	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 28/06/2022
Bà Nguyễn Tùng Linh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 28/06/2022
Bà Hoàng Nhật Linh	Thành viên	
Bà Trần Thị Hồng Điệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2022

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Bá Tiến ✓  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022, Công ty đang theo dõi khoản tạm ứng cho các đối tượng là nhân viên của Công ty ở chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán (Chi tiết tại Thuyết minh số 07) đã quá hạn thanh toán. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng để đánh giá tính phù hợp và khả năng thu hồi của các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu có liên quan hay không.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc không thu thập đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định tính đầy đủ và chính xác của các khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" (Chi tiết tại Thuyết minh số 05) tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021 trên Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty. Vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2020-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>71.173.745.799</b>	<b>60.642.995.898</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.650.814.458	5.693.196.911
111	1. Tiền		9.650.814.458	4.693.196.911
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	144.664.480	3.144.664.480
121	1. Chứng khoán kinh doanh		144.664.480	144.664.480
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		60.758.086.833	51.147.281.247
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	20.977.287.374	13.231.316.616
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	720.246.604	796.300.304
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	39.060.552.855	37.119.664.327
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		620.180.028	657.853.260
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	18.011.344	31.507.520
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		255.585.682	279.762.738
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	346.583.002	346.583.002
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>33.594.240.801</b>	<b>34.766.039.402</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		160.000.000	626.844.239
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	50.000.000	396.844.239
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	110.000.000	230.000.000
220	II. Tài sản cố định		1.349.666.390	1.796.146.131
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.349.666.390	1.796.146.131
222	- Nguyên giá		5.363.632.028	5.367.652.296
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.013.965.638)	(3.571.506.165)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	31.674.514.187	31.652.864.480
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.716.737.424	5.695.087.717
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25.957.776.763	25.957.776.763
260	VI. Tài sản dài hạn khác		410.060.224	690.184.552
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	333.885.834	604.868.552
268	2. Tài sản dài hạn khác		76.174.390	85.316.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>104.767.986.600</b>	<b>95.409.035.300</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>51.783.613.424</b>	<b>43.596.471.014</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>49.846.094.120</b>	<b>42.163.652.546</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	17.327.919.810	14.966.542.735
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	10.170.176.541	5.847.962.021
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.570.170.643	949.594.898
314	4. Phải trả người lao động		1.073.982.155	539.359.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	49.999.999	35.861.362
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	8.579.295.487	8.317.639.645
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	10.867.856.600	11.300.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		206.692.885	206.692.885
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.937.519.304</b>	<b>1.432.818.468</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	824.993.400	1.000.000.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.112.525.904	432.818.468
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>52.984.373.175</b>	<b>51.812.564.286</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>52.984.373.175</b>	<b>51.812.564.286</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.000.000.000	40.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		40.000.000.000	40.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(10.000.000)	(10.000.000)
415	3. Cổ phiếu quỹ		(20.000)	(20.000)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(13.371.719)	2.028.345
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		17.704.765.588	17.704.765.588
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(11.814.558.541)	(13.469.228.764)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		(13.469.228.764)	(11.526.085.260)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		1.654.670.223	(1.943.143.504)
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		7.117.557.847	7.585.019.117
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>104.767.986.600</b>	<b>95.409.035.300</b>

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập

Đào Hồng Vân  
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Tiến  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**


Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	84.044.171.338	16.674.184.732
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		84.044.171.338	16.674.184.732
11	4. Giá vốn hàng bán	19	70.624.230.744	9.232.110.372
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.419.940.594	7.442.074.360
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	48.990.631	222.550.364
22	7. Chi phí tài chính	21	566.317.706	567.877.711
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		553.712.604	558.025.000
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		21.649.707	(26.787.892)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	11.241.222.213	9.927.084.152
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.683.041.013	(2.857.125.031)
31	12. Thu nhập khác	23	266.644.300	398.130.800
32	13. Chi phí khác	24	15.644.407	20.949.428
40	14. Lợi nhuận khác		250.999.893	377.181.372
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.934.040.906	(2.479.943.659)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	52.328.378	14.001.800
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		679.707.436	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.202.005.091</u>	<u>(2.493.945.459)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		1.654.670.223	(1.943.143.504)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(452.665.133)	(550.801.955)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	414	(486)


Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023


  
Đào Hồng Vân  
Kế toán trưởng


  
Nguyễn Bá Tiến  
Chủ tịch HĐQT


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.934.040.906	(2.479.943.659)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		442.459.473	490.234.740
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(26.231.325)	9.852.711
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(37.286.506)	(195.762.472)
06	- Chi phí lãi vay		553.712.604	558.025.000
07	- Các khoản điều chỉnh khác		4.020.267	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.870.715.419	(1.617.593.680)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(9.204.739.835)	4.350.407.186
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		7.525.968.680	(3.471.711.555)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		284.478.894	920.927.348
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.137.604)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.287.084)	(56.662.400)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.458.998.470	125.366.899
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(37.520.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.000.000.000	1.000.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.636.799	222.550.364
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.015.636.799	1.185.030.364
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	500.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(607.150.000)	(116.620.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(7.366.680)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(607.150.000)	376.013.320

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.867.485.269	1.686.410.583
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.693.196.911	4.011.939.222
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		90.132.278	(5.152.894)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>9.650.814.458</u>	<u>5.693.196.911</u>

*Nguyễn Thị Quỳnh*

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập

*Đào Hồng Vân*  
Đào Hồng Vân  
Kế toán trưởng

*Nguyễn Bá Tiến*  
Nguyễn Bá Tiến  
Chủ tịch HĐQT



Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội theo Quyết định số 535/TCDL ngày 30/06/2006 của Tổng Cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100107187 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/10/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 40.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 40.000.000.000 đồng; tương đương 4.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ du lịch.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh các dịch vụ vui chơi, giải trí;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: đại lý bán vé máy bay;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: kinh doanh hướng dẫn du lịch; lữ hành quốc tế và lữ hành nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2022 dịch bệnh Covid - 19 đã được kiểm soát nên thị trường du lịch trong nước phục hồi và phát triển trở lại. Hoạt động của Công ty theo đó cũng tăng trưởng ổn định dẫn đến chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" tương ứng trong năm tăng lần lượt là 67,37 tỷ đồng và 61,39 tỷ đồng so với năm 2021.

#### Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	Hà Nội	51,00%	51,00%	Kinh doanh dịch vụ du lịch
Công ty TNHH Du lịch Việt Nam Nhật Bản	Nhật Bản	51,00%	51,00%	Kinh doanh dịch vụ du lịch

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

### 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

**2.11 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 02 năm.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.



#### 2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## 2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ phiếu thương hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

## 2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

### b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

### c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### 2.22 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.24 . Thông tin bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, dịch vụ và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.792.401.366	1.663.265.420
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.858.413.092	3.029.931.491
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
	<u>9.650.814.458</u>	<u>5.693.196.911</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	3.000.000.000	-
	-	-	3.000.000.000	-

**b) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (Mã CP SHB)	144.664.480	193.646.900	-	144.664.480
	144.664.480	193.646.900	-	144.664.480
				377.405.200
				377.405.200

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HOSE tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết**

	31/12/2022			01/01/2022				
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	Thành phố Hà Nội	50%	50%	4.938.511.546	Thành phố Hà Nội	50%	50%	4.916.861.839
- Công ty TNHH TWX Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	45%	45%	778.225.878	Thành phố Hồ Chí Minh	45%	45%	778.225.878
				<u>5.716.737.424</u>				<u>5.695.087.717</u>

**d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Ngân cảnh Việt Nam	4.420.570.000	-	-	4.420.570.000	-	-
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long	21.537.206.763	-	-	21.537.206.763	-	-
	<u>25.957.776.763</u>			<u>25.957.776.763</u>		

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Ngắm cảnh Việt Nam	Hà Nội	10,68%	10,68%	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh	16,12%	16,12%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty TNHH TWX Việt Nam	201.721.000	-	201.721.000	-
	<u>201.721.000</u>	<u>-</u>	<u>201.721.000</u>	<u>-</u>
<i>Bên khác</i>				
- Công ty cổ phần tư vấn đầu tư tài chính Toàn Cầu	7.147.883.123	-	3.533.141.693	-
- MYANMAR GOLD (ASIAN CONTINENT)	-	-	321.389.290	-
- CATAI Tour	4.155.836.840	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	9.521.846.411	-	9.571.908.872	-
	<u>20.825.566.374</u>	<u>-</u>	<u>13.426.439.855</u>	<u>-</u>
	<u>21.027.287.374</u>	<u>-</u>	<u>13.628.160.855</u>	<u>-</u>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Đại lý vé máy bay Hàng Không Vietjet 8039	-	-	401.004	-
- Trả trước cho người bán khác	720.246.604	-	795.899.300	-
	<u>720.246.604</u>	<u>-</u>	<u>796.300.304</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.780.540	-	1.385.047	-
- Tạm ứng	36.331.993.260	-	34.711.754.301	-
- Phải thu vé máy bay	468.883.778	-	239.474.040	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Ngắm Cảnh Việt Nam	192.452.392	-	192.452.392	-
- Phải thu Quỹ khen thưởng phúc lợi	447.957.557	-	447.957.557	-
- Phải thu khác	1.617.485.328	-	1.526.640.990	-
	<b><u>39.060.552.855</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>37.119.664.327</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	110.000.000	-	110.000.000	-
Phải thu khác	-	-	120.000.000	-
	<b><u>110.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>230.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
	<b><u>708.066.082</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>708.066.082</u></b>	<b><u>-</u></b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>										
Số dư đầu năm	1.022.947.389	291.317.273	4.015.867.634	37.520.000	5.367.652.296					
- Giảm khác	-	-	-	(4.020.268)	(4.020.268)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.022.947.389</b>	<b>291.317.273</b>	<b>4.015.867.634</b>	<b>33.499.732</b>	<b>5.363.632.028</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>										
Số dư đầu năm	696.482.462	291.317.273	2.576.885.630	6.820.800	3.571.506.165					
- Khấu hao trong năm	40.917.900	-	390.682.157	10.859.416	442.459.473					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>737.400.362</b>	<b>291.317.273</b>	<b>2.967.567.787</b>	<b>17.680.216</b>	<b>4.013.965.638</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>										
Tại ngày đầu năm	326.464.927	-	1.438.982.004	30.699.200	1.796.146.131					
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>285.547.027</b>	<b>-</b>	<b>1.048.299.847</b>	<b>15.819.516</b>	<b>1.349.666.390</b>					

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.130.485.272 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	18.011.344	31.507.520
	<b>18.011.344</b>	<b>31.507.520</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.848.333	9.635.755
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	267.581.272	551.002.241
Chi phí trả trước dài hạn khác	51.456.229	44.230.556
	<b>333.885.834</b>	<b>604.868.552</b>

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
- Công ty CP Du thuyền Năm sao Tuần Châu	378.581.000	378.581.000	478.581.000	478.581.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư tài chính Toàn Cầu	1.745.211.187	1.745.211.187	390.603.675	390.603.675
- Công ty TNHH Thương mại Du lịch Dịch vụ Con Sẻ Tre	2.594.465.400	2.594.465.400	2.594.465.400	2.594.465.400
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hải Vân Nam (Khách sạn Havana)	2.273.500.000	2.273.500.000	2.273.500.000	2.273.500.000
- Phải trả các đối tượng khác	10.336.162.223	10.336.162.223	9.229.392.660	9.229.392.660
	<b>17.327.919.810</b>	<b>17.327.919.810</b>	<b>14.966.542.735</b>	<b>14.966.542.735</b>

**11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đại lý Du lịch Hàng không Quốc tế Vân Nam	-	200.000.000
Công ty TNHH du lịch thông tin quốc tế Thành Đô, Chi nhánh Cẩm Giang	-	700.000.000
Khách Lotus Travel	3.127.949.757	36.524.563
MYANMAR GOLD (ASIAN CONTINENT)	2.001.874.381	-
Phải trả các đối tượng khác	5.040.352.403	4.911.437.458
	<b>10.170.176.541</b>	<b>5.847.962.021</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm		
	VND		VND		VND		VND		VND		
Thuế Giá trị gia tăng	-		280.196.092		1.594.660.019		1.209.095.567		-		665.760.544
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	342.566.502		-		52.328.378		7.287.084		342.566.502		45.041.294
Thuế Thu nhập cá nhân	4.016.500		-		23.010.444		18.452.445		4.016.500		4.557.999
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		669.398.806		485.412.000		300.000.000		-		854.810.806
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		4.278.898		4.278.898		-		-
	<b>346.583.002</b>		<b>949.594.898</b>		<b>2.159.689.739</b>		<b>1.539.113.994</b>		<b>346.583.002</b>		<b>1.570.170.643</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	7.225.000
- Chi phí phải trả khác	49.999.999	28.636.362
	<b>49.999.999</b>	<b>35.861.362</b>

**14 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	277.992.188	233.149.880
- Bảo hiểm xã hội	-	6.062.026
- Bảo hiểm y tế	-	1.188.088
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.039.140.695	4.039.140.695
- Phải trả lãi vay	2.030.225.754	1.479.425.754
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	2.000.000.000	1.500.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	231.936.850	1.058.673.202
	<b>8.579.295.487</b>	<b>8.317.639.645</b>
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	<b>2.000.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**15 . VAY**

	Trong năm		31/12/2022	
	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	nợ VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long <sup>(1)</sup>	-	-	10.800.000.000	10.800.000.000
- Hoàng Thị Oanh	-	500.000.000	500.000.000	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>				
- Japan Finance Corporation <sup>(2)</sup>	67.856.600	-	67.856.600	67.856.600
	67.856.600	-	67.856.600	67.856.600
	<b>67.856.600</b>	<b>500.000.000</b>	<b>10.867.856.600</b>	<b>10.867.856.600</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>				
- Japan Finance Corporation <sup>(2)</sup>	-	107.150.000	892.850.000	892.850.000
	-	<b>107.150.000</b>	<b>892.850.000</b>	<b>892.850.000</b>
	(67.856.600)		(67.856.600)	(67.856.600)
			<b>824.993.400</b>	<b>824.993.400</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

(1) Các hợp đồng vay tín dụng giữa Công ty với Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
- + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực;
- + Lãi suất cho vay: 5,1%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 10.800.000.000 đồng;
- + Các hình thức đảm bảo khoản vay: Vay không có đảm bảo.

(2) Khoản vay đối với Japan Finance Corporation, thanh toán kỳ hạn 84 tháng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất 0,46%/năm trong 3 năm đầu, sau 3 năm lãi suất 1,36%/năm. Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 892.850.000 đồng.

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	Tỷ lệ (%)		VND	Tỷ lệ (%)		VND	Tỷ lệ (%)			
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000		(10.000.000)	(20.000)		32.949.685	17.704.765.588		(11.526.085.260)	8.165.529.811	54.367.139.824
Lỗ trong năm trước	-		-	-		(30.921.340)	-		(1.943.143.504)	(550.801.955)	(2.493.945.459)
Giảm khác	-		-	-		-	-		-	(29.708.739)	(60.630.079)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>40.000.000.000</b>		<b>(10.000.000)</b>	<b>(20.000)</b>		<b>2.028.345</b>	<b>17.704.765.588</b>		<b>(13.469.228.764)</b>	<b>7.585.019.117</b>	<b>51.812.564.286</b>
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000		(10.000.000)	(20.000)		2.028.345	17.704.765.588		(13.469.228.764)	7.585.019.117	51.812.564.286
Lãi trong năm nay	-		-	-		(15.400.064)	-		1.654.670.223	(452.665.133)	1.202.005.090
Giảm khác	-		-	-		-	-		-	(14.796.137)	(30.196.201)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>40.000.000.000</b>		<b>(10.000.000)</b>	<b>(20.000)</b>		<b>(13.371.719)</b>	<b>17.704.765.588</b>		<b>(11.814.558.541)</b>	<b>7.117.557.847</b>	<b>52.984.373.175</b>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm		Tỷ lệ	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)		
Nguyễn Bá Tiến	2.415.360.000	6,04%	2.415.360.000	6,04%		
Đặng Thị Minh Chi	4.065.650.000	10,16%	4.065.650.000	10,16%		
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	1.999.500.000	5,00%	1.999.500.000	5,00%		
Nguyễn Thị Kim Ngân	1.999.500.000	5,00%	1.999.500.000	5,00%		
Trần Ngọc Nhật	7.251.520.000	18,13%	7.251.520.000	18,13%		
Hoàng Tùng	2.227.710.000	5,57%	2.227.710.000	5,57%		
Trần Quang Huy	3.919.020.000	9,80%	3.919.020.000	9,80%		
Nguyễn Thị Minh Yến	4.762.800.000	11,91%	4.762.800.000	11,91%		
Khuất Minh Hà	5.044.730.000	12,61%	5.044.730.000	12,61%		
Các cổ đông khác	6.314.190.000	15,79%	6.314.190.000	15,79%		
Cổ phiếu quỹ	20.000	0,0001%	20.000	0,0001%		0,0001%
	<b>40.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100%</b>		<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000	40.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	40.000.000.000	40.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	40.000.000.000	40.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	4.039.140.695	4.046.507.375
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	-	(7.366.680)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	(7.366.680)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<u>4.039.140.695</u>	<u>4.039.140.695</u>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	2	2
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2	2
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.999.998	3.999.998
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.999.998	3.999.998
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.704.765.588	17.704.765.588
	<u>17.704.765.588</u>	<u>17.704.765.588</u>

**17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại đường Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế để sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại Tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 2001 đến năm 2030. Diện tích khu đất thuê là 305m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	20.994,39	6.459,41
- Đồng Euro (EUR)	349,10	906,86

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	84.044.171.338	16.674.184.732
	<b>84.044.171.338</b>	<b>16.674.184.732</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	-	<b>82.909.091</b>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	70.624.230.744	9.232.110.372
	<b>70.624.230.744</b>	<b>9.232.110.372</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	15.636.799	222.550.364
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.122.507	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	26.231.325	-
	<b>48.990.631</b>	<b>222.550.364</b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	553.712.604	558.025.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	12.605.102	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	9.852.711
	<b>566.317.706</b>	<b>567.877.711</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.447.932	30.625.626
Chi phí nhân công	4.965.108.703	5.358.932.520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	427.801.870	640.639.089
Thuế, phí, lệ phí	137.544.577	918.451.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.650.177.323	1.755.584.727
Chi phí khác bằng tiền	2.046.141.808	1.222.850.885
	<b>11.241.222.213</b>	<b>9.927.084.152</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**23 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ hoa hồng đại lý không phải trả	-	394.356.000
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	259.041.821	-
Thu nhập khác	7.602.479	3.774.800
	<b>266.644.300</b>	<b>398.130.800</b>

**24 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	10.636.160	5.219.876
Chi phí khác	5.008.247	15.729.552
	<b>15.644.407</b>	<b>20.949.428</b>

**25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội	45.041.294	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH Du lịch Việt Nam Nhật Bản	7.287.084	14.001.800
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>52.328.378</b>	<b>14.001.800</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(342.566.502)	(299.905.902)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(7.287.084)	(56.662.400)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(297.525.208)</b>	<b>(342.566.502)</b>

**26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.112.525.904	432.818.468
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>1.112.525.904</b>	<b>432.818.468</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	2.246.723.770	(2.085.936.572)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.246.723.770	(2.085.936.572)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.999.998	3.999.998
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>562</b>	<b>(521)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Đầu tư ngắn hạn	144.664.480	-	-	144.664.480
	<u>144.664.480</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>144.664.480</u>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Đầu tư ngắn hạn	144.664.480	-	-	144.664.480
	<u>144.664.480</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>144.664.480</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.650.814.458	-	-	9.650.814.458
Phải thu khách hàng, phải thu khác	60.037.840.229	160.000.000	-	60.197.840.229
	<u>69.688.654.687</u>	<u>160.000.000</u>	<u>-</u>	<u>69.848.654.687</u>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.693.196.911	-	-	5.693.196.911
Phải thu khách hàng, phải thu khác	50.350.980.943	626.844.239	-	50.977.825.182
	<u>56.044.177.854</u>	<u>626.844.239</u>	<u>-</u>	<u>56.671.022.093</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Vay và nợ	10.867.856.600	824.993.400	-	11.692.850.000
Phải trả người bán, phải trả khác	25.907.215.297	-	-	25.907.215.297
Chi phí phải trả	49.999.999	-	-	49.999.999
	<u>36.825.071.896</u>	<u>824.993.400</u>	<u>-</u>	<u>37.650.065.296</u>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	11.300.000.000	-	1.000.000.000	12.300.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	23.284.182.380	-	-	23.284.182.380
Chi phí phải trả	35.861.362	-	-	35.861.362
	<u>34.620.043.742</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>35.620.043.742</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH TWX Việt Nam	Công ty liên kết

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI**

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	-	82.909.091
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	-	82.909.091

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	201.721.000	201.721.000
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	201.721.000	201.721.000
<b>Phải thu khác</b>	708.066.082	708.066.082
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	708.066.082	708.066.082
<b>Phải trả khác</b>	2.000.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	2.000.000.000	1.500.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	82.680.520	13.361.040
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	573.227.992	669.968.211



**31 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập

  
Đào Hồng Vân  
Kế toán trưởng  
Nguyễn Bá Tiên  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023